

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/KDTM-ST

Ngày 12-9-2025

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Hoàng Văn Định.

2/Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H – số 139 đường N, phường X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2025/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P.

Địa chỉ: 25bis đường N, phường B, quận M (phường S), Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1986 (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2023), có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH D.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Số 81 đường C, phường B, quận M (nay là phường B), Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh V (nay là xã Đ, tỉnh P).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, Khu 2B, phường H (nay là phường H), thành phố H, tỉnh Q.

3.2. Ông Đỗ Hoàng A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh V (nay là xã Đ, tỉnh P).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 13/10/2022, Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D) có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 38278/22MN/HĐTD, có nội dung Ngân hàng đồng ý cấp cho khách hàng khoản cấp tín dụng với hạn mức là 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 13/10/2023. Ngày 13/10/2022, tại Văn phòng công chứng Q, ông Trần Văn H ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33381/22MN/HĐBĐ, cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng; mục đích đảm bảo khoản vay của Công ty D gồm nghĩa vụ của bên vay bao gồm nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ thanh toán giá trị trái phiếu do bên thế chấp/bên vay/bên được cấp tín dụng phát hành. Tài sản thế chấp là thửa đất số 233, tờ bản đồ số 14; địa chỉ tổ 43, khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Q, diện tích 57,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 250106 do Ủy ban nhân dân Thành phố H, tỉnh Q cấp ngày 16/9/2022, cùng ngày ông Trần Văn H có văn bản cam kết thế chấp có nội dung khi xử lý tài sản thế chấp nếu diện tích đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất được thế chấp thay đổi vì bất cứ lý do gì (lớn hơn hoặc nhỏ hơn so với diện tích đất, tài sản gắn liền với đất thể hiện trong Hợp đồng thế chấp và/hoặc cam kết này) thì Ngân hàng và cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp cả phần diện tích vượt quá để thu hồi nợ. Đồng thời ngày 13/10/2022, ông Đỗ Hoàng A là người đại diện theo pháp luật có ký văn bản cam kết bảo lãnh nội dung ông Đỗ Hoàng A cam kết trả nợ thay cho Công ty Công ty D trong trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ đúng hạn các nghĩa vụ bảo lãnh. Bên bảo lãnh phải dùng toàn bộ tài sản, nguồn thu của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh. Ngày 14/10/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D số tiền vay là 2.060.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 15/10/2022 đến ngày 14/4/2023, lãi suất vay trong hạn là 9,7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trong quá trình vay vốn, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng Công ty D cũng như bên bảo lãnh trả nợ thay là ông Đỗ Hoàng A vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 14/9/2023 là 2.197.989.869 đồng trong đó nợ gốc là 2.060.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.647.104 đồng, nợ lãi quá hạn là 120.342.765 đồng và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ. Trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông Đỗ Hoàng A có nghĩa vụ trả nợ thay theo văn bản Cam kết bảo lãnh đã ký ngày 13/10/2022. Trường hợp Công ty D và ông Đỗ Hoàng A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ tổ 43, khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Q để Ngân hàng thu hồi nợ.

- Bị đơn – Công ty TNHH D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn H và ông Đỗ Hoàng A không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục uỷ thác thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do sự vắng mặt của đương sự nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

- Tại bản tự khai ngày 11/9/2025, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tính đến ngày 11/9/2025, tổng dư nợ Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng là 2.939.614.392 đồng, trong đó nợ gốc là 2.060.000.000 đồng, lãi trong hạn là 17.647.104 đồng, lãi quá hạn là 861.967.288 đồng.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP P có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn - Công ty D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn H và ông Đỗ Hoàng A vắng mặt lần 2 không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H phát biểu quan điểm:* Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định, tuân theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 38278/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022, Khế ước nhận nợ số 3827/22MN/HĐTD/KUNN 01 ngày 14/10/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33381/22MN/HĐBĐ ngày 13/10/2022 và văn bản cam kết bảo lãnh đã ký ngày 13/10/2022 của ông Đỗ Hoàng A có cơ sở xác định, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 2.060.000.000 đồng, từ ngày giải ngân đến nay Công ty D chưa thanh toán cho Ngân hàng được khoản tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 2.939.614.392 đồng, trong đó nợ gốc là 2.060.000.000 đồng, lãi trong hạn là 17.647.104 đồng, lãi quá hạn là 861.967.288 đồng. Trường hợp Công ty D không có khả năng thanh toán thì buộc ông Đỗ Hoàng A có nghĩa vụ trả nợ thay theo văn bản cam kết bảo lãnh đã ký ngày 13/10/2022. Trường hợp Công ty D và ông Đỗ Hoàng A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 10/10/2023, Tòa án nhân dân quận B (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H) nhận được Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP P khởi kiện Công ty TNHH D yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn nợ phát sinh từ quan hệ tín dụng giữa các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở chính tại tầng 2, 81 đường C, phường B, quận M (nay là phường B), Thành phố H nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H.

[1.2] Việc xét xử vắng mặt đối với đương sự:

Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP P có đơn yêu cầu vắng mặt. Bị đơn – Công ty D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm ông Trần Văn H và ông Đỗ Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do dù đã được Tòa án uỷ thác cho

Toà án có thẩm quyền thu thập chứng cứ và thực hiện thủ tục tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 38278/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022 giữa Ngân hàng và Công ty D; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 14/10/2022 của Công ty D có căn cứ xác định: Ngày 13/10/2022, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và người đại diện theo pháp luật của Công ty D đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 38278/22MN/HĐTD, có nội dung: Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Công ty D không vượt quá 5.500.000.000 đồng, mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động và phát hành LC phục vụ kinh doanh thương mại gạo, điều thô; thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 13/10/2023; lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Ngày 14/10/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 2.060.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, đơn vị nhận tiền là Công ty cổ phần đầu tư và thương mại L, nội dung thanh toán tiền mua hàng theo hoá đơn số 11 ngày 14/10/2022. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ban hành Thông báo yêu cầu phía bị đơn và ông Đỗ Hoàng A cung cấp chứng cứ đã thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng. Tuy nhiên, không có chứng cứ nào cho thấy bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty D thanh toán số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 2.939.614.392 đồng trong đó nợ gốc là 2.060.000.000 đồng, lãi trong hạn là 17.647.104 đồng, lãi quá hạn là 861.967.288 đồng.

[2.2] Về yêu cầu ông Đỗ Hoàng A có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty D theo văn bản Cam kết bảo lãnh: Ngày 13/10/2022, ông Đỗ Hoàng A là người đại diện theo pháp luật của Công ty D có ký văn bản cam kết bảo lãnh, nội dung ông Đỗ Hoàng A cam kết trả nợ thay cho Công ty D trong trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ đúng hạn các nghĩa vụ bảo lãnh. Bên bảo lãnh phải dùng toàn bộ tài sản, nguồn thu của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh. Xét thấy, cam kết bảo lãnh của ông Đỗ Hoàng A là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Đỗ Hoàng A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty D trong trường hợp Công ty D không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo khoản vay cho Công ty D, ngày 13/10/2022, ông Trần Văn H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33381/22MN/HĐBĐ, tài sản thế chấp là thửa đất số 233; tờ bản đồ số 14; địa chỉ: tổ 43 khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Q, diện tích 57,8m² thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Trần Văn H cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP P tại Văn phòng công chứng Q. Cùng ngày ông H có văn bản cam kết thế chấp có nội dung khi xử lý tài sản thế chấp nếu diện tích đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất được thế chấp thay đổi vì bất cứ lý do gì (lớn

hơn hoặc nhỏ hơn so với diện tích đất, tài sản gắn liền với đất thể hiện trong Hợp đồng thế chấp và/hoặc cam kết này) thì Ngân hàng và cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp cả phần diện tích vượt quá để thu hồi nợ. Nghĩa vụ bảo đảm bao gồm tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà khách hàng là Công ty TNHH D phải trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán theo Hợp đồng ngày 13/10/2022 ký giữa khách hàng và Ngân hàng và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi bổ sung nếu có. Biện pháp bảo đảm được các bên đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Như vậy với những tài liệu chứng cứ hiện nay có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Trần Văn H là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất số 233; tờ bản đồ số 14; địa chỉ: tổ 43 khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Q do đó yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi Công ty D và ông Đỗ Hoàng A không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại các Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 319 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại: Công ty D phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng. Án phí được tính như sau: 72.000.000 đồng + 2% (2.939.614.392 đồng – 2.000.000.000 đồng) = 90.792.287 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 319, Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP P:

1.1. Buộc Công ty TNHH D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 38278/22MN/HĐTD do các bên xác lập ngày 13/10/2022 tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 2.939.614.392 (hai tỷ chín trăm ba mươi chín triệu sáu trăm mười bốn nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng; trong đó gốc là 2.060.000.000 (hai tỷ không trăm sáu mươi triệu) đồng; lãi trong hạn là 17.647.104 (mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm lẻ bốn) đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 861.967.288 (tám trăm sáu mươi một triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 12/9/2025, Công ty TNHH D còn phải tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 38278/22MN/HĐTD ngày 13/10/2022 và Khế ước nhận nợ ngày 14/10/2022 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP P.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH D không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu ông Đỗ Hoàng A thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH D theo văn bản cam kết bảo lãnh đã ký ngày 13/10/2022.

1.3. Sau khi Công ty TNHH D hoặc ông Đỗ Hoàng A thanh toán xong nợ gốc và các khoản lãi cho Ngân hàng TMCP P thì Ngân hàng có trách nhiệm giải chấp tài sản thế chấp là toàn bộ thửa đất số 233, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại tổ 43, khu phố 3, phường B, thành phố H, tỉnh Q và trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 250106 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 16/9/2022 và bản chính các giấy tờ có liên quan cho ông Trần Văn H.

2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty TNHH D và ông Đỗ Hoàng A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là tài sản thế chấp là toàn bộ thửa đất số 233, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại tổ 43, khu phố 3, phường B, thành phố H, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 250106 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 16/9/2022 để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Công ty TNHH D phải chịu án phí là 90.792.287 (chín mươi triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP P đã nộp là 37.979.899 (ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm chín mươi chín) đồng theo Biên lai thu số 0000987 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố H)

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND TP. H;
- VKSND Khu vực 1, TP. H;
- Phòng THADS Khu vực 1, TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Minh

TAND KHU VỰC 1



0YW120925.TL.QDBA
2160

HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

